### Ngày soạn:

Ngày dạy:

***Chương I:*** *PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA CÁC ĐA THỨC*

**Tiết 1: NHÂN ĐƠN THỨC VỚI ĐA THỨC **

**I. MỤC TIÊU:**

1. Kiến thức*:* HS nắm được qui tắc nhân đơn thức với đa thức.

2.Kĩ năng*:* HS có kĩ năng thực hiện phép nhân đơn thức với đa thức.

**3.**Thái độ*:* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác..

**4.**Năng lực:

**Năng lực chung:** Năng lực tự học*,* giải quyết vấn đề*,* sáng tạo*,* tự quản lí*,* giao tiếp *,* hợp tác*,* sử dụng CNTT và truyền thông*,* sử dụng ngôn ngữ*,* tính toán.

**Năng lực chuyên biệt :** thực hành, tính tích , dấu của tích, vận dụng thực tế

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS**

GV: Bảng phụ ghi: BT1, BT2, BT3, BT bổ sung, phấn màu, thước thẳng

HS: Ôn tập qui tắc nhân một số với một tổng, nhân hai đơn thức, bảng nhóm, bút dạ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

* 1. ***Tổ chức lớp: 1’***
  2. ***Kiểm tra bài cũ:*** (Kết hợp trong bài)
  3. ***Bài mới:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của HS** | | **Nội dung ghi bảng** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (4’)** | | | | |
| - GV giới thiệu chương trình đại số 8 (4 chương)  -Nêu yêu cầu về dụng cụ học tập, ý thức học tập và phương pháp học tâp bộ môn toán.  - Giới thiệu chương I  Trong chương I chúng ta tiếp tục học về phép nhân và phép chia các đa thức, các hằng đẳng thức đáng nhớ, các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử. | | HS nghe hiểu | |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (20 - 25’)** | | | | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu Qui tắc (10ph)** | | | | |
| ***1) Hình thành qui tắc***  - Cho HS làm? 1  -Hãy viết một đơn thức và một đa thức tuỳ ý.  -Hãy nhân đơn thức đó với từng hạng tử của đa thức vừa viết  -Hãy cộng các tích vừa tìm được  -Cho HS đổi chéo kiểm tra kết quả lẫn nhau.  -Gọi HS lên bảng trình bày  ***b) Phát biểu qui tắc***  - Vậy muốn nhân một đơn thức với một đa thức ta làm thế nào?  **-Chú ý**: *Nhân đơn thức với từng hạng tử của đa thức*.  Nêu dạng tổng quát:  A.(B + C) = A.B + A.C | | - Tự viết ra giấy  Đơn thức: 5x  Đa thức: 3x2 – 4x + 1  HS: 5x.(3x2 – 4x + 1) =  = 5x.3x2 + 5x.(− 4x) + 5x.1  = 15x3 – 20x2 + 5x  HS cả lớp nhận xét bài làm của bạn  - Vài HS phát biểu qui tắc  - HS khác nhắc lại | | **1/ Qui tắc:**  ? 1  5x.(3x2 – 4x + 1)  = 5x.3x2 + 5x.(− 4x) + 5x.1  = 15x3 – 20x2 + 5x  **Qui tắc**: (SGK)      A.(B + C) = A.B + A.C |
| ***Hoạt động 2: Tìm hiểu Áp dụng (12ph)*** | | | | |
| ***a) Củng cố qui tắc***  - Làm tính nhân:    -Gọi một HS lên bảng thực hiện  - Nhận xét, bổ sung  - Nêu? 2 tr 5 SGK  Làm tính nhân    - Muốn nhân một đa thức với một đơn thức ta làm thế nào?  **Gợi ý:** A(B+C)= (B+C)A  ***b) Ôn lại tính chất***.  - Hãy nhắc lại tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân?  - Khi trình bày ta có thể bỏ qua bước trung gian  ***c) Củng cố tính chất***  - Thưc hiện? 3 SGK  Hãy nêu công thức tính diện tích hình thang?  – Hãy viết biểu thức tính diện tích mảnh vườn theo x, y  Tính diện tích mảnh vườn nếu cho x = 3m và y = 2m | - Cả lớp thực hiện vào giấy nháp  - Một HS lên bảng thực hiện    - Cho HS khác nhận xét  - Nhân từng hạng tử của đa thức với đơn thức  x.y = y.x  (x.y).z = x.(y.z)  x(y+z) = x.y+x.z  S=[(đáylớn+đáybé).chiều cao]:2  -Một HS lên bảng làm? 3  - HS nhận xét, bổ sung222222222 | | **2/ Áp dụng:**  ***Ví dụ:*** *Làm tính nhân*          ? 2 *làm tính nhân*          ? 3  Ta có:  S = 8.3.2+3.2+ 22 = 58 (m2)222222222 | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (05’)** | | | | |
| **Luyện tập**  **Bài 1/5 (sgk)**  *Treo bảng phụ*  a)  b)  c)  - Gọi 3hs lên bảng  - Nhận xét bổ sung và cho điểm  - Cho HS làm bài 2 tr 5 SGK  Yêu cầu HS hoạt động nhóm  - Đưa bài 3 tr 5 SGK lên bảng  - Muốn tìm x trong đẳng thức trên trước hết ta làm gì?  - Yêu cầu HS cả lớp làm bài vào vở nháp | HS1: Làm câu a  HS2: Làm câu b  HS3: Làm câu c  - Cả lớp làm vào vở  - Nhận xét bổ sung  - Thảo luận nhóm bài 2 SGK  Nhóm 1,2,3 làm câu a  Nhóm 4,5,6 làm câu b  Đại diện nhóm lên bảng trình bày bài giải  - Muốn tìm x trong đẳng thức trên trước hết ta thực hiện phép nhân rồi rút gọn vế trái  - Hai HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở | | ***Bài 1 SGK***  a)    b) (3xy – x2 + y)x2y =  = 2x3y2 − x4y + x2y2  c)    ***Bài 2 SGK***   1. x(x – y) + y(x + y) =   = x2 – xy + xy + y2 = x2 + y2  (–6)2 + 82 = 36 + 64 = 100   1. x(x2–y)–x2(x+y)+y(x2-x)   = x3–xy–x3–x2y+x2y - xy  = –2xy với x =  và y = -10  =  ***Bài 3 SGK***   1. 3x(12x–4)–9x(4x–3)=30   36x22 2  −12x–36x2+27x = 30  15x = 30  x = 2   1. x(5–2x)+2x(x –1) = 15   5x – 2x2 + 2x2 – 2x = 15  3x = 15  x = 5 | |
| ***D. HOẠT ĐỘNG* VẬN DỤNG (5ph)** | | | | |
| - Đưa bài tập bổ sung lên bảng  Cho biểu thức:  M = 3x(2x–5y)+(3x–y)(–2x) – (2–26xy)  Chứng minh biểu thức M không phụ thuộc vào giá trị của x và y  - Hãy nêu cách làm  - Gọi một HS lên bảng làm.  ***Gợi ý:*** Khi chứng minh biểu thức không phụ thuộc vào biến ta biến đổi biểu thức đến khi có kết quả cuối cùng là một hằng số | - Ta thực hiện phép tính của biểu thức, rút gọn và kết quả phải là một hằng số  - Một HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở | | ***Bài tập BS***  M=3x(2x–5y)+(3x– y)(−2x) − (2 – 26xy)  = 6x2–15xy- 6x2+2xy–1+ 13xy = − 1  Vậy biểu thức M không phụ thuộc vào giá trị của x và y | |
| ***E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI , MỞ RỘNG (3ph)*** | | | | |
| - Học thuộc qui tắc nhân đơn thức với đa thức, có kĩ năng nhân thành thạo khi nhân hai đa thức.  - Làm bài tập 4, 5, 6 tr 6 SGK  - Bài tập 1, 2, 3, 4, 5, tr 3 SBT  - Đọc trước bài nhân đa thức với đa thức  **Bài tập cho học sinh khá giỏi**:  + Phép chia hết: Cho hai số nguyên a và b (b ≠ 0), ta nói a chia hết cho b nếu có số nguyên q sao cho  a = b.q, ta còn nói b là ước của a.  + Nếu a chia hết cho b và b chia hết cho c thì a chia hết cho c.  Bài tập: Chứng minh rằng:  *a) 352005 – 352004 chia hết cho 17 b) 432004 + 432005 chia hết cho 11 c) 273 + 95 chia hết cho 4* | | | | |

\* **RÚT KINH NGHIỆM**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………